

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

Sưu Tập trình bày: Pháp sư Bảo Lượng-Đời Lương.

QUYỂN 36

Phẩm 20: PHẠM HẠNH (Phần 1)

- Giải thích bảy pháp lành là phạm hạnh, là biết pháp biết nghĩa...
- Giải thích mười hai bộ kinh.
- Nói rộng bốn tâm Vô lượng.
- Nói Người ái hành phần nhiều tu hỷ, xả, người kiến hành phần nhiều tu từ bi.
- Giải thích rộng về bốn số nhất định vô lượng.
- Giải thích nghĩa người trong oán, thân có chín phẩm.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dùng bốn đẳng làm thể, gốc là đạo Phạm thiên, vẫn là tên gốc. Cũng nói Phạm nghĩa là thanh tịnh. Hạnh Thánh là tự tịnh, bốn đẳng là tịnh người khác, nên được gọi là Phạm. Người có phạm hạnh, trước dùng bảy việc lành để tự sửa mình cho chính đáng, sau là dùng bốn đẳng để chánh người. Gọi bảy việc lành trước để sửa đổi bên trong, đủ ba việc lành sau, nhằm sửa đổi bên ngoài, đều là nghĩa tự chánh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đại khái phán quyết phẩm này có bốn đoạn:

1. Nêu bảy việc lành, để làm thể cho tự tu hành.
2. Từ “Bốn tâm vô lượng trở xuống, đến cuối sáu niệm, chính là nói về hóa độ bên ngoài.
3. Thể đã bày, tức là khen ngợi sự truyền bá.
4. Vua A-xà-thế làm chứng cho kinh này, có công năng dứt trừ Đại ác, đồng thời cũng chứng tỏ lòng từ bi có lợi ích thật sự.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Phẩm này có năm đoạn:

1. Nói về nhân của Phạm hạnh, tức bảy việc lành.
2. Nói về thể của Phạm hạnh, tức bốn vô lượng.
3. Nói về quả của Phạm hạnh.

4. Khen ngợi kinh.

5. Dùng A-xà-thế làm chứng.”

“Này người thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát” cho đến “Sáu là biết chúng, bảy là biết cao thấp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bảy pháp lành chẳng phải phạm hạnh. Y theo bảy pháp lành, năm pháp trước là tự thực hành, hai pháp sau là hóa độ người. Vì đủ bảy pháp lành, nên có được bốn vô lượng, thành tựu công hạnh hóa độ người.”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát tu phạm hạnh như thế nào?” cho đến “Tất cả như vậy, gọi là Tu-đa-la.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tu-đa-la gồm có năm nghĩa, như kinh có nêu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Biết pháp, là biết mười hai bộ kinh. Từ câu: “Tôi nghe như vậy” cho đến “Vui mừng vâng hành.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói là biết mười hai bộ kinh, nhưng ở đây nói tức là “Pháp biện”, biết được phạm vi của pháp, về danh, tướng thể khác nhau, thấu suốt một cách tốt đẹp về chỉ thú của pháp và chẳng phải pháp biện như thế nào? Đó là lý do ở đây y theo “Pháp biện” để lấy pháp.

Mười hai bộ kinh nói, về mặt lý, chẳng có lý nào không thông suốt qua các pháp như: Bốn đế, mười hai nhân duyên..., không có một kinh nào không nói về lý này, vì thế, nên đi suốt qua các bộ. Nay, nói về sự khác nhau của các bộ đó. Theo nghĩa sự đã nói, để nêu lên các sự khác nhau. Nhưng danh từ mười hai bộ, đều là âm nước ngoài. Tu-đa-la, Hán dịch là Pháp bốn (gốc pháp), cũng dịch là kinh bốn, vì có công năng sinh ra trí của cảnh quán, nên gọi là gốc pháp. Nếu từ “Tôi nghe như vậy” trở xuống, cho đến câu “Vui mừng vâng hành”. Tóm lại, về lý văn chung thành mười một bộ làm gốc. Chính vì nghĩa này nên gọi là Tu-đa-la.”

“Những gì gọi là Kỳ-dạ kinh” cho đến “Không còn thọ các hữu, đây gọi là kinh Kỳ-dạ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hán dịch là kệ Trùng tụng, văn xuôi đã nói, lại trùng tụng giúp cho hiển bày nghĩa này, nên nói lên khác hẳn các bộ khác.”

“Những gì gọi là kinh Thọ Ký?” cho đến “Hiệu là Di-lặc, đó gọi là kinh Thọ Ký.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thiên-trúc nói Hòa-già-la-na. Xưa khi chưa nói bốn đế thì thọ ký chỉ ghi nhận rằng: “Từ sau không giáo,

nói về thọ ký trong đương lai sẽ thành Phật với danh hiệu, cõi nước, gọi là kinh Thọ Ký, cũng vì lấy nghĩa thọ ký này mà thành khác nhau.”

Thế nào gọi là kinh Già-đà?” cho đến “Là giáo của Chư Phật, đây gọi là kinh Già-đà.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trừ Tu-đà-la và các giới luật, nghĩa là trừ tụng tụng Tu-đà-la và tụng tụng giới luật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở đây trừ mười một bộ dịch thẳng là kệ, nghĩa là không tụng văn xuôi, cũng do tụng về thứ khác mà thành khác.”

Những gì gọi là kinh Ưu-đà-na” cho đến “Vô vấn tự thuyết”, Đây gọi là Ưu-đà-na.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là kinh Vô vấn tự thuyết. Các Tỳ-kheo đều nghi rằng: “Đức Phật xuất định đã lâu mà không ai hỏi, liền dùng Tha tâm trí mà tự nói rằng: “Này các Tỳ-kheo! Tất cả các vị trời có tuổi thọ rất dài so với con người. Lành thay! Các Tỳ-kheo biết vì người, không cầu lợi cho riêng mình, ít muốn biết đủ và giải quyết các nghi ngờ”. Vì muốn cứu độ chúng sinh, nên Đức Phật mới nghĩ ra cách giải thích này.”

“Thế nào là kinh Ni-đà-na?” cho đến “Giọt nước dù nhỏ, dần đầy lu lớn”. Như trên đây, gọi là kinh Ni-đà-na.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nguyên nhân căn bản, là trước nói nhân duyên, sau nói kệ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì nhân duyên nên nói kệ, không dùng kệ làm nhân duyên.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hễ có người phạm tội thì nhân việc đó mà chế giới, nên gọi là nhân duyên. Do nhân duyên chế giới này mà khác hẳn với bộ khác.”

Thế nào là kinh A-ba-đà-na?” cho đến “Đây gọi là kinh A-ba-đà-na.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hán dịch là thí dụ kinh, lý rất sâu mầu, không thể dùng lời nói thẳng để nhận lấy sự tỏ ngộ. Nếu không mượn việc bên ngoài, thì sẽ không có lý do để so sánh với giáo đã giải thích.”

Thế nào gọi là Y-đế-viết-đa-già kinh” cho đến “Đó gọi là Y-đế-viết-đa-già.” (Bổn sư)

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Gọi là Nhật giới kinh, nghĩa là khi Đức Thích-ca ra đời, thường nói về pháp tánh. Kinh này lấy danh hiệu như thế. Chư Phật quá khứ đã đặt danh hiệu như thế, gọi là Như thị ngữ

kinh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Hán dịch là Như thị ngữ kinh. Phật đời quá khứ khi nói kinh đã đặt ra tên gọi như thế. Đức Thích-ca gọi là giới, để phân biệt với nghĩa khác của giới pháp tướng.

Phật Cửu-lưu-tần dịch là Trống Cam lộ, ý nói bôi chất độc lên mặt trống. Người nghe tiếng trống đánh, mọi chứng bệnh dứt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói chung, Đức Thích-ca đã nói kinh trong mỗi lần hóa độ gọi là Nhật giới kinh. Cho đến Phật Thích-ca gọi là Phân biệt. Không dùng việc quá khứ để chứng minh cho việc nay.”

“Thế nào gọi là kinh Xà-đà-già?” cho đến “Có thể thọ thân, đó gọi là Xà-đà-già kinh” (Bổn sinh).

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Hán dịch là kinh Bổn Sinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Như trong Pháp Hoa chia làm hai Bổn sinh và Bổn sự. Nay, trong đây chỉ lấy nghĩa sự như Đức Phật đã từng làm vua Túc Tán... khi thực hành hạnh Bồ-tát ở đời quá khứ, dùng làm một bộ. Nếu chỉ nêu Bổn sinh của Đức Phật, thì các việc ở đời sống cũng tùy, vì thế, nên y cứ thì chung, mà dấu vết thì riêng.”

“Thế nào gọi là kinh Tỳ-phật-lược?” cho đến “Cũng như hư không. Đây gọi là Tỳ-phật-lược.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Hán dịch là kinh Phương Quảng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thuở xưa vì chỉ nhận lấy câu, lời văn rộng của kinh, trong mười hai năm nên cho là kinh rộng, không được gọi “Phương”. Từ Thông giáo về sau, mãi đến Niết-bàn hiện nay, như chỉ một bài kệ bốn câu của Bồ-tát ở núi Tuyết cũng đủ gồm thiếp cùng tận lý của hai luân hữu vi và vô vi, tất nhiên sẽ không có pháp nào, đối tượng nào mà không bao gồm nên nói là Phương Quảng.”

“Thế nào gọi là kinh Vị Tăng Hữu?” cho đến “Các kinh như thế..., đều gọi là Vị Tăng hữu.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thiên-trúc dịch là A-phù-đa-đạt-ma. Bất luận việc ít có nào cũng đều được gọi là Vị Tăng hữu. Chẳng hạn như con bò Đại thanh bước đi trên bát sành, làm cho các bát sành va chạm nhau nghe rổn rảng mà không cái nào bị vỡ. Những chuyện như thế..., đều gọi là kinh Vị Tăng Hữu.”

“Thế nào gọi là kinh Ưu-bà-đề-xá?” cho đến “Mười hai bộ kinh, gọi là biết pháp.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hán dịch là luận nghĩa kinh. Lý tướng rất sâu kín, cho nên nếu không nhờ việc bàn luận qua lại thì về nghĩa sẽ không rõ ràng. Cho nên dùng việc nghị luận để lập riêng một

bộ. Nhưng mười hai bộ này đều có văn, lý, như bài kệ “Nhà lửa”, nếu Tu-đa-la lấy việc trong dĩ vãng thì nêu thể là pháp bốn. Nếu dùng kệ tụng dĩ vãng để xét định, thì là Kỳ-dạ ngữ, là ví dụ, tức kinh Ví dụ. Như ba nghĩa này là văn của ba nhà, ở đây không có, vì lý mà không có lời văn, hay chỉ có văn mà không có lý.”

“Thế nào là Đại Bồ-tát biết nghĩa?” cho đến “Biết rộng nghĩa của kinh.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Nếu người không biết được nghĩa kinh thì đối với đạo của mình chưa được thành thực, thì liệu có thể dùng sự hiểu biết để đem lại lợi ích cho chúng sinh ư? Vì lẽ đó, nên điều cần thiết nhất là phải biết pháp và nghĩa.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ hai, không còn có chỉ thứ khác. Chính vì hiểu biết sâu sắc về mười hai danh hiệu của kinh này, vì nguyên nhân dưới đây, nên gọi là biết nghĩa.”

“Thế nào là Đại Bồ-tát biết thời?” cho đến “Bát-nhã ba-la-mật. Đó gọi là biết thời.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Nói về hóa độ chúng sinh, thì phải biết thời. Nếu không như thế mất đi căn cơ của chúng sinh đó, há thành hóa độ ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ ba, biết rành về thời tu hành đạo nghiệp, thì về lý sẽ được tốt đẹp hơn, không có thiếu sót.

“Thế nào là Đại Bồ-tát biết đủ?” cho đến “Ngủ, thức, nói nín. Đó gọi là biết đủ.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Nếu không biết đủ, thì chỉ có lợi là ngày càng tham lam, bồn bồn mãi mà không bỏ, thì đâu thể nào dùng từ bi để cứu độ chúng sinh ư? Thế nên phải biết đủ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ tư, đối với bốn oai nghi, phải biết rõ lúc nào động, lúc nào tĩnh, sao cho không trái với ba nghiệp mà làm chướng ngại đạo.”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát làm thế nào?” cho đến “Đáp như vậy, gọi là biết mình.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Đạo tự biết mình và cả chúng sanh. Sau đó mới dùng sự hiểu biết của mình để hóa độ chúng sinh, có thể nói là tự biết mình.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thứ năm, nếu không tự giác biết mình có đức, thì cũng nên biết nhận thức sai lầm về nghĩa tinh tấn sâu sắc. Vì thế, nên có thể tự biết mình có hiểu được ít nhiều, có thể trang nghiêm cho nghiệp của tâm.

“Đại Bồ-tát biết chúng như thế nào?” cho đến “Hỏi, đáp như vậy gọi là biết chúng.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Chúng có các loài, không thể dùng ngôn ngữ của một vùng mà thích hợp với đa số quần chúng kia. Vì thế, nên phải biết quần chúng đều khác nhau về ngôn ngữ, chủng loại để thích ứng với họ.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Pháp thứ sáu, là nên biết về phong tục, phép tắc, nghi lễ của từng cõi nước. Nếu không biết rành thì sẽ không tránh khỏi nhiều trở ngại trong việc hóa đạo.”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát làm thế nào?” cho đến “Bảy pháp lành sẽ được đầy đủ phạm hạnh?”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Đối với người biết đạo cao hơn ta, thì tỏ lòng tôn kính. Đối với người hiểu đạo kém hơn ta thì dùng từ để cứu giúp họ.

Trên đây là bảy pháp lành, thành tựu, thỏa mãn bốn hạnh cần thiết. Vì thế nên phải nói.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Pháp lành thứ bảy, y cứ ở thực hành điều lành, nghĩa là có cao, thấp, hơn, thua như kinh đã chỉ bày về thực hành điều lành. Người kém thì thấp, người hơn thì tôn quý. Một khi đã hội đủ bảy pháp lành này rồi, thì được tự tại vừa ý, thích ứng với chúng sinh, như ngọc báu như ý.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Lại có Phạm hạnh, đó là Từ, Bi, Hỷ, Xả.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đầu tiên nói về tướng của bốn vô lượng. Bốn đều là từ, từ cạn đến sâu là bốn. Luận có văn mô tả rõ ràng, không phí lời lẽ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Từ, Bi, Hỷ, Xả chính là tánh tuệ. Vì công dụng của chúng có hơn kém, đặt tên của một vùng, cho nên nói bốn. Nói vô lượng, gọi là “Sở duyên”, như Bi cứu vớt đối tượng khổ, thì có tình thức nhờ cứu độ. vì tình cảm không giúp ích thiên vị, riêng tư, mà là “Duyên” vô lượng, nên gọi là vô lượng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là đoạn lớn thứ hai, nói về hạnh hóa độ người, được chia thành bảy lớp:

1. Nói về danh số bốn vô lượng.
2. Nói về sự cạn sâu của bốn tâm.
3. Chứng tỏ bốn hạnh này là thật.
4. Lược kết ba vô lượng. Quả ở Sơ địa, y cứ phần vị trong “Hữu”.
5. Kết riêng quả “Xả” cũng ở Sơ địa, y theo “Không” làm phần

vi.

6. Nói sau khi bốn tâm đã thành, tiến lên Sơ địa trở đi, lại tiến tu mười một “Không” được đầy đủ, ngang bằng tâm Kim Cương, tức là thường lập ra ba ví dụ để khen ngợi.

7. Từ “Tám thứ tri kiến, do thứ lớp ba ví dụ trên. Dưới đây, cuối cùng là địa Nhất tử.

Đoạn thứ hai, nói về thể của Phạm hạnh, tức bốn vô lượng, có ba lượt:

1. Danh hiệu cuối cùng là Vô lượng định. Danh từ vô lượng được lập thành bốn:

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Xét theo nghĩa đó lẽ ra chỉ có ba.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây lập ra tất cả năm lớp thừa hỏi. Đây là đoạn hỏi thứ nhất: “Đã nêu lên tuệ của đối tượng trị đồng với từ bi của chủ thể trị, không nên có sự khác nhau, vì thế, nên chỉ có ba, không được bốn?”

“Bạch Đức Thế tôn! Lòng từ có ba duyên: Một là duyên chúng sinh” cho đến “Duyên Như lai gọi là vô duyên.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là câu hỏi thứ hai: “Bốn tâm dù khác mà đều có ba duyên; đó là Duyên chúng sinh, Duyên pháp và Vô duyên”. Đối tượng duyên đã đồng thì lẽ ra chỉ một?”

“Bạch Đức Thế tôn! Đối tượng duyên của lòng từ là tất cả chúng sinh” cho đến “Thế nên lẽ ra chỉ có ba, không nên có bốn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là câu hỏi thứ ba: “Nói là có thấy cha, mẹ..., gọi là “Chúng sinh Duyên”. Không thấy cha, mẹ, chỉ “Duyên” nắm ấm gốc của chúng sinh. Là hai tâm trước tức là “Không”. Vì duyên cảnh đã có, y cứ tâm từ cảnh, thì chỉ nên có ba?”

Bạch Đức Thế tôn! Con người có hai hạng: Một là người kiến hạnh” cho đến “Thế nên đáng lẽ có hai, không nên có bốn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là câu hỏi thứ tư: “Vì hai người kiến, và ái lẽ ra là hai? Vì nếu là kiến hạnh, thì sẽ thấy căn cơ nhạy bén. Vì có sức mạnh, cứu giúp là năng lực, nên chỉ tu từ bi, nếu là người ái hạnh, thì chí khí quá đổi yếu hèn, tất nhiên là căn chậm lụt (Độn căn), thấy sự nghiệp thắng lợi vẻ vang của người, chỉ tùy hỷ mà thôi, nên chỉ có hỷ, xả. Thế nên chỉ có hai.”

“Bạch Đức Thế tôn! Nói về vô lượng, gọi là vô biên” cho đến “Vì thế, nếu là vô lượng thì lẽ ra nên có một, không nên nói là bốn?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là câu hỏi thứ năm y theo danh

tự để hỏi: “Nếu dựa vào nghĩa thích đáng để giải thích vô lượng, thì chính là dùng duyên vô lượng chúng sinh làm cảnh, mà giả làm lời lẽ không thông suốt, đã là nhận lầm ý Phật thì có nghĩa là thể tâm không có bờ mé. Vì thế nếu gọi vô lượng thì sẽ không vượt hơn có bốn? Nếu còn ít thì chỉ nên một?”

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Này người thiện nam! Chư Phật Như lai” cho đến “Đối với hạnh sâu xa của Như lai không nên sinh nghi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây sẽ đáp câu hỏi, trước đức để lộ rõ bí mật: Pháp nói ra mục đích đều vì độ người, chẳng thể với sự nhận thức nông cạn mà đo lường được, không nên toan tính, so đo rắng, nên như thế hay không nên như thế. Trước, nêu nhân duyên là một, mà vì chúng sinh, nên hẳn có thuyết giảng nhiều, ít khác nhau, chỉ có Phật mới biết được, đây là mật ý, trừ sinh một pháp, là Tát-già-ni-kiền Tử, cha là Phạm Chí, mẹ là Ni-kiền, do ông ta bất sinh đúng như pháp, nên vì gìn giữ ý đó, nên không nói là sinh.”

“Này người thiện nam! Như lai, Thế tôn có phương tiện lớn” cho đến “Vì điều phục chúng sinh, há lại nói dối ư?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kế là, nói về “Miệng mật”.

“Này người thiện nam! Có chúng sinh tham của cải” cho đến “Nhưng không có nhiễm ô, cũng như hoa sen.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kế là, chỉ rõ về “Thân mật”.

“Này người thiện nam! Nên biết nghĩa của bốn tâm vô lượng như thế” cho đến “Nếu có người tu hành thì sẽ sinh lên tầng trời ĐạiPhạm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp chung câu hỏi trên, sinh lên tầng trời Đại phạm, là có cạn có sâu. Hai cõi trên đều gọi là Đại phạm. Sơ thiên mới được nghe danh hiệu bốn vô lượng, nói về công hạnh của bốn vô lượng có cạn, có sâu. Kinh nói: “Tu từ thật sâu, sinh Đệ tam thiên, tu bi, sinh không xứ, tu hỷ, sinh thức xứ, tu xả, sinh Bất dụng xứ. Tánh có sâu cạn không nên lia.”

“Này người thiện nam! Tâm vô lượng này có bốn loại bạn” cho đến “Được gọi là bốn, chẳng phải một, hai, ba.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không vui, nghĩa là ganh ghét. Bốn thứ phiền não, không thể một hạnh mà dứt trừ ngay, phải có các hạnh giúp nhau, là nghĩa bạn.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dùng ba câu để đáp chung câu hỏi: “Chẳng phải một, hai, ba.”

“Này người thiện nam! Như lời ông nói thì lòng từ sẽ dứt được sân” cho đến “Bạn bè của tâm vô lượng đối nhau, chia thành bốn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói tánh có cạn, sâu, đối trị kiết, phải nhờ bè bạn, có bốn nghĩa. Ở trên nói là hai thứ giận, yêu khác nhau. Nay nói giận có hạ, thượng, đối trị có sâu cạn, cũng phải đợi bạn.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ông nói lòng từ có thể dứt được giận, đây là nêu câu hỏi đầu, dù đồng đối trị với giận, nhưng giận có thô, tế. Tâm từ dứt được thô, tâm bi dứt được tế. Nay đối tượng dứt đã khác, thì chủ thể dứt có thể riêng một mình không khác ư? Từ “Sáu câu dưới, giải thích về nghĩa thô tế”. Nói loại bạn đối nhau, nghĩa là từ bi dù là loại bạn, mà vì thô tế đối nhau cho nên thành bốn.”

“Lại, vì pháp khí, cho nên gọi là bốn” cho đến “Vì nghĩa này nên phải là bốn, không bớt được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp hai hạnh kiến, ái đều dùng nhân để đối trị làm câu hỏi. Ở trước, đáp người là pháp khí mà thực hành được lòng từ, nhưng vẫn chưa thể đề cập đức bi, là pháp khí có khác nhau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đáp câu hỏi thứ hai, đáp chung câu hỏi thứ ba. Nói khí thế gian có lớn, nhỏ, bốn tâm có sâu cạn khác nhau, đâu được y theo cảnh khiến cho đầy với ư? Đồ đựng để đựng vật có công dụng. Cảnh có nghĩa chứa đựng, tâm đâu thể không có?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trước đáp câu hỏi thứ tư: Pháp khí lợi độn khác nhau, tự có khả năng thực hành từ bi, mà chưa thể thực hành hỷ, xả, lần lượt đều như thế, thực hành lòng từ bi, tự có cao, thấp, hỷ, xả cũng có cạn sâu. Nếu vậy, thì đâu được hỏi rằng: “Nên hai mà không phải bốn ư?”

“Này người thiện nam! Do thực hành phân biệt, nên phải có bốn” cho đến “Không có hạnh bi, hỷ, xả, cho nên có bốn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp cả hai câu hỏi về nhân duyên: “Dù là nhân duyên, mà trong duyên có khác, chẳng phải một, chẳng phải ba.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đáp câu hỏi thứ tư”: Nếu thực hành tâm từ, chưa có bi, hỷ, do bốn hạnh khác nhau, nên từ đầu đến cuối có một người thực hành bốn đức này, thì đâu được dùng căn tánh lợi, độn để nêu lên câu hỏi”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ hai, thứ ba. Câu hỏi thứ hai rằng: “Một là “Duyên” chúng sinh, hai là duyên pháp cần dùng. Đức Phật không cần duyên. Nếu vậy chỉ là một chúng sinh thôi. Cảnh đã là một, chỉ nên một.” Câu hỏi thứ ba rằng: Một là “Duyên” chúng

sinh; hai là “Duyên” “giả danh không”; ba là “Duyên” “Thật pháp không”, tức cảnh có ba, nên lẽ ra là ba”. Ở đây ý đáp rằng: “Dù nói là cảnh đều đồng, nhưng vì công hạnh của người tu hành có sâu, cạn, nên tự có người có khả năng thực hành một tâm hạnh ban đầu, nhưng không thể thực hành ba hạnh sau. Tự có người có thể thực hành tâm hạnh thứ hai, nhưng không thể thực hành tâm hạnh thứ tư, thì làm sao lại hỏi rằng: “Vì cảnh là đồng, nên phải là một, hay phải là ba?”

“Này người thiện nam! Vì vô lượng nên cũng được gọi là bốn” cho đến “Mới được gọi là vô lượng, vô biên.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là đáp câu hỏi thứ năm: “Dù vô lượng gọi là đồng, nhưng hạnh trong ngoài khác, sâu cạn khác, chủ thể là một. Không thể được tam-muội Tự Tại. Mới thực hành hạnh Bồ-tát, chẳng phải vô lượng duyên đem lại cho cha mẹ vô lượng niềm vui, không lấy vô lượng chúng sinh làm duyên.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đáp câu hỏi thứ năm: “Nói “Duyên” vô lượng chúng sinh làm cảnh, nên có sự khác nhau giữa bốn tâm, không nói thể của tâm thông suốt đồng với không có bờ mé, không thể nối tiếp âm thanh thành câu hỏi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ năm: “Tên gọi dù đồng, nhưng về nghĩa thì có bốn cấp bậc, đều gọi là vô lượng, không được thành một.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Đó gọi là được Từ chẳng phải đại Từ”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ hai là nói về bốn đẳng thành và không thành. Hạnh đầu tiên là tu tập lòng từ, phải từ gần gũi. Từ gần mà khởi, phiền não khó bỏ. Phiền não dù nhẹ, nhưng khác với oán thân, nên chưa thành đại bi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đoạn thứ nhất ở trước là quyết định bốn vô lượng gọi là giáo. Nay, đoạn hai là nói tâm từ có cạn sâu. Trụ phẩm hạ là cạn, trụ phẩm thượng là sâu. Đối với người trong oán thân, chẳng phải không bình đẳng, giống như cũ gọi là cạn, vì tâm từ khó thành, nhiều lần có lui mất. Nếu trụ phẩm thượng thì sẽ không còn lui sụt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là đoạn hai, giải thích cạn sâu, là tâm tưởng tượng mạo hữu lậu, gọi là cạn. Được chân vô lậu, vì một tâm đủ bốn, nên gọi là Đại vô lượng rất sâu xa.

“Bạch Đức Thế tôn! Vì sao Bồ-tát có tâm Từ như vậy” cho đến “Do nghĩa này nên gọi là Đại vô lượng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không thể điều phục tâm trong

một ngày, mà phải tu từ thật lâu. Khi tâm từ đã thành thực rồi, cho dù còn phải trải qua sự sinh, tạm thời quên tu tập chẳng nữa, thì chỉ cần một ngày là thành tựu, không từ thân khởi. Các ví dụ ở dưới sẽ nói về sự giận dữ rất khó dứt trừ, nói tâm từ rất khó thành.”

